BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2017*

ĐẾN Số: 2998
Ngày: 08/9/2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người bị thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai.

2. Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai.

3. Người bị thu hồi đất có nguồn gốc được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nhưng đã trả trước tiền thuê đất nhiều năm cho Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

4. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) bị thu hồi đất thuộc đối tượng được bồi thường về tài sản do Nhà nước giao quản lý, sử dụng và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước bị thu hồi đất thuộc đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất đã tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật mà không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản khi Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai *(hướng dẫn khoản 1 Điều 18a Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ - được bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP)*

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định việc trả lại giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất đối với các trường hợp Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai.

2. Việc xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

3. Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 2 Điều này là tổng giá trị còn lại của từng tài sản gắn liền với đất thu hồi. Giá trị còn lại của từng tài sản gắn liền với đất được xác định như sau:

a) Giá trị còn lại của cây trồng, vật nuôi được xác định bằng mức bồi

thường đối với cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều 90 Luật Đất đai;

b) Giá trị còn lại của nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất (sau đây gọi là công trình xây dựng gắn liền với đất) được xác định theo công thức sau:

Giá trị còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất	=	Tỷ lệ % chất lượng còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất	x	Giá xây dựng mới của công trình xây dựng gắn liền với đất

Trong đó:

- Tỷ lệ % chất lượng còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ \% chất lượng còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất} = 1 - \frac{\text{Thời gian mà công trình xây dựng gắn liền với đất đã qua sử dụng}}{\text{Thời gian tính khấu hao (hao mòn) áp dụng đối với công trình xây dựng gắn liền với đất}}$$

- Giá xây dựng mới của công trình xây dựng gắn liền với đất được xác định theo công thức sau:

Giá xây dựng mới của công trình xây dựng gắn liền với đất	=	Đơn giá 1 m^2 xây dựng mới của công trình xây dựng gắn liền với đất có tiêu chuẩn tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương) áp dụng tại thời điểm thu hồi đất	x	Diện tích xây dựng của công trình xây dựng gắn liền với đất

Đối với công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được thì giá trị hoàn trả bằng giá trị còn lại của toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất; trường hợp công trình xây dựng gắn liền với dất bị thu hồi một phần, nhưng vẫn sử dụng được phần còn lại thì giá trị hoàn trả bằng phần giá trị công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của công trình xây dựng gắn liền với đất trước khi bị phá dỡ.

Đối với công trình xây dựng gắn liền với đất không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành hoặc chưa có trong quy định cụ thể của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng có liên quan thực hiện xác định giá trị còn lại của công trình xây dựng gắn liền với đất phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại địa phương.

4. Cơ quan tài chính (của cấp có thẩm quyền thu hồi đất) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Hội đồng để xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3 Điều này; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt. Trường hợp cần thiết, cơ quan tài chính thuê tổ chức thẩm định giá xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3 Điều này; trên cơ sở đó, cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất do tổ chức thẩm định giá xác định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

5. Việc giao đất, cho thuê đất đã thu hồi (bao gồm cả tài sản gắn liền với đất) được thực hiện thông qua hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đất đai.

a) Giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

b) Số tiền thu được từ đấu giá sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc đấu giá được xử lý như sau:

- Hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho chủ sở hữu tài sản;

- Số tiền còn lại nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp việc giao đất, cho thuê đất đã thu hồi không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai, ngoài việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thì người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho chủ sở hữu tài sản tại thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất cho người được giao đất, cho thuê đất.

7. Trường hợp Nhà nước sử dụng đất đã thu hồi vào mục đích quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia, công cộng thì kinh phí để hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này được tính vào kinh phí thực hiện dự án đầu tư và được quy định như sau:

a) Bộ, ngành, cơ quan trung ương có trách nhiệm bảo đảm nguồn hoàn trả đối với dự án đầu tư do Bộ, ngành, cơ quan trung ương làm chủ đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm nguồn hoàn trả đối với dự án đầu tư do địa phương làm chủ đầu tư.

Điều 4. Xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho người sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất *(hướng dẫn khoản 1, khoản 3 Điều 18a Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ - được bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP)*

1. Giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất để hoàn trả cho người sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được xác định như sau:

a) Trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất ở được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất

a.1. Đối với đất ở

$$\text{Giá trị quyền sử dụng đất hoàn trả} = \text{Diện tích đất đã nộp tiền sử dụng đất} \times \text{Giá đất ở (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Bảng giá đất) tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất}$$

a.2 Đối với đất sử dụng có thời hạn

$$\text{Giá trị quyền sử dụng đất hoàn trả} = \frac{\text{Diện tích đất đã nộp tiền sử dụng đất} \times \text{Giá đất theo mục đích sử dụng của thời hạn giao đất của dự án xác định theo Bảng giá đất tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất}}{\text{Thời hạn giao đất (*)}} \times \text{Thời hạn giao đất còn lại (**)}$$

Trong đó:

- Thời hạn giao đất (*): là thời hạn giao đất của dự án.

- Thời hạn giao đất còn lại (**): bằng (=) thời hạn giao đất của dự án trừ (-) thời hạn đã sử dụng đất giao tính đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

b) Trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê thì giá trị hoàn trả là tiền thuê đất nộp một lần cho thời gian thuê đất còn lại được xác định theo giá đất tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất với phương pháp xác định tiền thuê đất quy định tại chính sách thu tiền thuê đất, thuê mặt nước tại thời điểm xác định nghĩa vụ về tiền thuê đất trước đây; cụ thể:

b.1. Trường hợp tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê được xác định theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ có hiệu lực thi hành:

$$\text{Tiền thuê đất hoàn trả} = \text{Tiền thuê đất một năm xác định tại thời điểm thu hồi đất (*)} \times \text{Thời hạn thuê đất còn lại (**)}$$

Trong đó:

- Tiền thuê đất một năm xác định tại thời điểm thu hồi đất (*): bằng (=) tỷ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất theo chính sách tại thời điểm thu hồi đất nhân (x) giá đất theo mục đích sử dụng của thời hạn thuê đất của dự án xác định theo Bảng giá đất tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

- Thời hạn thuê đất còn lại (**): bằng (=) thời hạn thuê đất của dự án trừ (-) thời hạn đã sử dụng đất thuê tính đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

b.2. Trường hợp tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê được xác định theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ hoặc quy định của pháp luật sau ngày Nghị định số 69/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành:

$$\text{Tiền thuê đất hoàn trả} = \frac{\text{Diện tích đất đã nộp tiền thuê đất} \times \text{Giá đất theo mục đích sử dụng của thời hạn thuê đất của dự án xác định theo Bảng giá đất tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất}}{\text{Thời hạn thuê đất (*)}} \times \text{Thời hạn thuê đất còn lại (**)}$$

Trong đó:

- Thời hạn thuê đất (*): là thời hạn thuê đất của dự án.

- Thời hạn thuê đất còn lại (**): bằng (=) thời hạn thuê đất của dự án trừ (-) thời hạn đã sử dụng đất thuê tính đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự nguyện trả lại đất nông nghiệp có nguồn gốc được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất (mà đủ điều kiện được bồi thường):

$$\text{Giá trị quyền sử dụng đất hoàn trả} = \text{Diện tích đất nông nghiệp tự nguyện trả lại (*)} \times \text{Giá đất theo mục đích sử dụng đất nông nghiệp (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Bảng giá đất) tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất}$$

Trong đó: *Diện tích đất nông nghiệp tự nguyện trả lại (*) là diện tích trong hạn mức sử dụng đất nông nghiệp, không bao gồm diện tích vượt hạn mức sử dụng đất nông nghiệp phải chuyển sang thuê đất theo quy định tại khoản 8 Điều 210 Luật Đất đai.*

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định việc trả lại giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất đối với các trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai.

Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả cho người sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được xác định như trường hợp Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Điều 3 Thông tư này.

3. Cơ quan tài chính (của cấp có thẩm quyền thu hồi đất) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Hội đồng để xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt. Trường hợp cần thiết, cơ quan tài chính thuê tổ chức thẩm định giá xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 2 Điều này; trên cơ sở đó, cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất do tổ chức thẩm định giá xác định, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

4. Việc giao đất, cho thuê đất đã thu hồi (bao gồm cả tài sản gắn liền với đất) được thực hiện thông qua hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật về đất đai:

a) Giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất nhưng không thấp hơn giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Số tiền thu được từ đấu giá sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc đấu giá được xử lý như sau:

- Hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này cho người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất;

- Số tiền còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Trường hợp việc giao đất, cho thuê đất đã thu hồi (bao gồm cả tài sản gắn liền với đất) không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai thì người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này cho người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất tại thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất cho người được giao đất, cho thuê đất. Trường hợp giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định tại thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

cao hơn hơn giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này thì phần chênh lệch này được nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Trường hợp Nhà nước sử dụng đất đã thu hồi vào mục đích quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia, công cộng thì kinh phí để hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được tính vào kinh phí thực hiện dự án đầu tư và quy định như sau:

a) Bộ, ngành, cơ quan trung ương có trách nhiệm bảo đảm nguồn hoàn trả đối với dự án đầu tư do Bộ, ngành, cơ quan trung ương làm chủ đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm nguồn hoàn trả đối với dự án đầu tư do địa phương làm chủ đầu tư.

Điều 5. Xác định tiền thuê đất đã trả trước còn lại để hoàn trả cho người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nhưng đã trả trước tiền thuê đất nhiều năm *(hướng dẫn Điều 18b Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ - được bổ sung tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP)*

1. Tiền thuê đất đã trả trước còn lại để hoàn trả cho người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất được xác định như sau:

$$\text{Tiền thuê đất hoàn trả} = \text{Tiền thuê đất một năm xác định tại thời điểm thu hồi đất (*)} \times \text{Thời hạn đã trả trước tiền thuê đất còn lại (**)}$$

Trong đó:

- Tiền thuê đất một năm xác định tại thời điểm thu hồi đất (*): bằng (=) tỷ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất theo chính sách tại thời điểm thu hồi đất nhân (x) giá đất theo mục đích sử dụng của thời hạn thuê đất của dự án xác định theo Bảng giá đất tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

- Thời hạn đã trả trước tiền thuê đất còn lại (**): bằng (=) thời hạn đã trả trước tiền thuê đất trừ (-) thời hạn đã sử dụng đất thuê tính đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

2. Cơ quan tài chính (của cấp có thẩm quyền thu hồi đất) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Hội đồng để xác định giá trị tiền thuê đất đã trả trước còn lại quy định tại khoản 1 Điều này; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

3. Kinh phí để hoàn trả giá trị tiền thuê đất đã trả trước còn lại quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính vào kinh phí thực hiện dự án đầu tư và

quy định như sau:

a) Bộ, ngành có trách nhiệm bảo đảm nguồn hoàn trả đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; chấp thuận, quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ nhưng do Bộ, ngành thực hiện và các dự án do Bộ, ngành làm chủ đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm nguồn hoàn trả đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương.

4. Việc hoàn trả giá trị tiền thuê đất mà người sử dụng đất đã trả trước còn lại cho người sử dụng đất được thực hiện tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất, theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 6. Quản lý, sử dụng số tiền bồi thường đối với tài sản do Nhà nước giao quản lý, sử dụng và số tiền hỗ trợ đối với trường hợp tổ chức bị thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất *(hướng dẫn Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ - được bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP)*

1. Đối với doanh nghiệp nhà nước bị thu hồi đất và phải di dời đến cơ sở mới

a) Số tiền bồi thường tài sản quy định tại khoản 1 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Số tiền hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được nộp ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với doanh nghiệp bị thu hồi đất thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với doanh nghiệp bị thu hồi đất thuộc địa phương quản lý).

c) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản này được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan để chi thực hiện dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị bị thu hồi đất và phải di dời đến cơ sở mới

a) Số tiền bồi thường tài sản quy định tại khoản 1 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và số tiền hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được nộp ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị bị thu hồi đất thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị bị thu hồi đất thuộc địa phương quản lý).

Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm này được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan để chi thực hiện dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc chủ trương đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận; trong đó nguồn vốn thực hiện dự án được sử dụng từ số tiền bồi thường tài sản quy định tại khoản 1 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và số tiền hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép mở tài khoản tiền gửi có mục đích tại Kho bạc nhà nước do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị làm chủ tài khoản để tiếp nhận số tiền bồi thường tài sản quy định tại khoản 1 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và số tiền hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 18c Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

- Số tiền đã tiếp nhận vào tài khoản tiền gửi có mục đích tại Kho bạc nhà nước theo quy định tại điểm này được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Kho bạc nhà nước các cấp (nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị mở tài khoản tiền gửi có mục đích để giao dịch) thực hiện kiểm soát, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước khi đã có trong dự toán ngân sách được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; cơ quan tài chính các cấp thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Sau khi thực hiện quyết toán dự án hoàn thành, trường hợp không sử dụng hết số tiền đã tiếp nhận vào tài khoản tiền gửi có mục đích để thực hiện dự án đầu tư, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm nộp số tiền còn lại vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị bị thu hồi đất thuộc trung ương quản lý; ngân sách địa phương đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị bị thu hồi đất thuộc địa phương quản lý).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Tổng bí thư; VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính, Cục QLCS;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS. (400)

